

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VỊ TỪ TƯ THỂ “NÀM” VÀ “QUỲ” TRONG TIẾNG VIỆT NHÌN TỪ BA BÌNH DIỆN: KẾT HỌC, NGHĨA HỌC VÀ DỤNG HỌC TRIỆU THU DUYÊN*

TÓM TẮT: Bài viết tập trung tìm hiểu về hai vị từ tư thể “*nằm*” và “*quỳ*” đặt trong hệ thống nhóm từ chỉ tư thế để nghiên cứu trên ba bình diện: kết học, nghĩa học và dụng học. Kết quả nghiên cứu của bài viết nhằm đưa ra một cái nhìn khái quát và toàn diện hơn về hai từ này nói riêng và nhóm từ chỉ tư thế nói chung.

TỪ KHÓA: từ *nằm*; từ *quỳ*; vị từ tư thể; từ chỉ tư thế trong tiếng Việt; kết học; nghĩa học; dụng học.

NHẬN BÀI: 14/08/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 20/10/2023

1. Đặt vấn đề

Dưới sự soi chiếu của ngữ pháp chức năng, kết hợp với việc nghiên cứu ngôn ngữ trên cả ba bình diện, nhóm vị từ tư thể (VTTT) trong tiếng Việt đã dần được quan tâm. Trong nhóm từ chỉ tư thế tiêu biểu (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*), bên cạnh từ *đứng, ngồi* là những từ đại diện tiêu biểu, từ *nằm, quỳ* cũng mang những đặc điểm riêng biệt, cấu thành tính đặc trưng và đa dạng cho nhóm từ tư thể nói chung. Từ việc nghiên cứu và khảo sát hai từ này, bài viết gợi mở thêm một góc nhìn, hướng đến việc tìm hiểu nhóm từ chỉ tư thế trong tiếng Việt một cách toàn diện hơn.

2. Nội dung

2.1. Bình diện ngữ pháp của vị từ tư thể “*nằm*” và “*quỳ*”

Ở bình diện ngữ pháp, bài viết nghiên cứu hai vị từ tư thể với các tiêu chí cơ bản: về ý nghĩa ngữ pháp khái quát, về khả năng kết hợp và chức vụ cú pháp.

2.1.1. Về ý nghĩa ngữ pháp khái quát

a) Vị từ “*nằm*”

Theo Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê (Chủ biên), 2002, tr.660), từ *nằm* có các nét nghĩa cơ bản như sau:

(1) Tư thế “ngả thân mình trên một vật nào đó, thường để nghỉ”. Ví dụ: *Nằm nghỉ. Canh một chưa nằm/ Canh năm đã dậy.* (Tục ngữ)

(2) “Ở một nơi nào đó, không đi ra khỏi trong một thời gian nhiều ngày trở lên và do một yêu cầu nhất định”. Ví dụ: *Nằm bệnh viện. Cả tuần lễ nằm nhà.*

(3) “Được đặt để yên một chỗ trên một vật nào đó, với diện tiếp xúc tối đa”. Ví dụ: *Gỗ nằm la liệt ngoài sân. Chiếc va li để nằm trên bàn. Đặt nằm cái thang xuống.*

(4) “Trải ra ở trên một diện rộng tại một vùng nào đó”. Ví dụ: *Làng nằm ven sông.*

Nghĩa (1) là nghĩa phổ biến dùng để chỉ tư thế nằm của con người, vốn là tư thế tự thân của chủ thể, không có sự di chuyển và tác động đến đối tượng khác. Nghĩa (2) chỉ tư thế, trạng thái đặc trưng của chủ thể được duy trì trong một khoảng thời gian dài. Trường hợp này, từ *nằm* được dùng với nghĩa bóng, ví dụ: “*Cả tuần lễ nằm nhà*”, không phải chỉ có một tư thế duy nhất mà đây là tư thế đặc trưng, tiêu biểu của chủ thể.

Nghĩa (3) là tư thế của sự vật, các tư thế này đều do một chủ thể khác (con người) tạo nên. Xét ví dụ: “*Chiếc va li để nằm trên bàn*”, chiếc va li có tư thế nằm là do chủ thể khác để lên trên bàn, nó không thể có chủ ý và tự mình quyết định được. Do vậy, trong trường hợp này, tư thế ở trạng thái tĩnh và không có sự chủ ý của chính chủ thể. Trường hợp (4) chỉ trạng thái của sự vật, hiện tượng, nhờ sự liên tưởng đến trạng thái của con người. Như vậy, từ *nằm* cũng có các nghĩa khá đa dạng, bài

* Trường Đại học Hà Nội; Email: duyentt@hanu.edu.vn

viết tập trung nghiên cứu nghĩa (1) và (2) là nghĩa liên quan đến tư thế.

b) Vị từ “quỳ”

Quỳ là động từ chỉ “tư thế gập đầu gối và đặt sát mặt nền để đỡ toàn thân”. Ví dụ: *Quỳ bần. Quỳ xuống lạy*. Với nghĩa cơ bản này, căn cứ vào ngữ cảnh, chủ thể có thể hình thành tư thế hướng đến mục đích nhất định: *quỳ (để) bần, quỳ xuống (để) lạy, quỳ để cầu hôn, quỳ trước bàn thờ (để) cầu nguyện, quỳ để cầu xin,...* Chỉ với một nghĩa chỉ tư thế, do vậy, khả năng hoạt động ngữ pháp và tần suất xuất hiện của từ *quỳ* trong nhóm từ chỉ tư thế (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*) là thấp nhất. Đặc biệt, khi chủ thể là người mới có thể thực hiện được tư thế này. Xét ví dụ:

(1) *Anh ấy quỳ xuống cầu hôn cô ấy*. [Khẩu ngữ - KN]

(2) *Mai thu xếp đồ làm, bỏ giấy bước vào chiếu rồi cúi quỳ xuống bên chồng*. [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.24]

Quỳ vốn là một động từ có thể dùng độc lập, tuy nhiên, trong hai ví dụ trên, từ *quỳ* được bổ sung nội dung thông tin về mục đích tạo lập tư thế và đối tượng cùng thiết lập tư thế.

Như vậy, căn cứ vào ý nghĩa ngữ pháp, sự phụ thuộc vào ngữ cảnh và mục đích, hai vị từ tư thế *nằm* và *quỳ* sẽ được cân nhắc lựa chọn trong quá trình sử dụng. Mỗi chủ thể khi thiết lập tư thế luôn có sự chủ ý, không chịu sự tác động của một chủ thể khác. Trong bài viết, tác giả lựa chọn nghĩa gốc của từ vốn mang đặc trưng về tư thế để tập trung nghiên cứu.

Ý nghĩa của nhóm vị từ tư thế nói chung là vị từ có các nét nghĩa khái như sau: vị từ tư thế [tư thế] [ở trạng thái tĩnh] [gắn với mặt phẳng]... Theo đó, *nằm* và *quỳ* có các nét nghĩa sau:

nằm: [tư thế], [trạng thái tĩnh], [gắn với mặt phẳng], [thân song song], [phân biệt với đứng, ngồi và quỳ]

quỳ: [tư thế], [trạng thái tĩnh], [gắn với mặt phẳng], [gập đầu gối và đặt sát mặt nền để đỡ toàn thân] [phân biệt với ngồi].

Trong nhóm vị từ chỉ tư thế tiêu biểu, *nằm* và *quỳ* có tần số xuất hiện thấp nhất. Trong tổng số 575 ngữ liệu khảo sát, có 99 trường hợp xuất hiện của từ *nằm*, 08 trường hợp xuất hiện từ *quỳ*. Với đặc trưng về ý nghĩa ngữ pháp và khả năng kết hợp, chúng ta có thể dần lí giải lí do vì sao sự xuất hiện của hai vị từ này tương đối ít trong quá trình sử dụng.

2.1.2. Về khả năng kết hợp

a. Phần phụ trước

Trước hết, vị từ *nằm* và *quỳ* có khả năng kết hợp với phó từ chỉ thời gian. Ví dụ:

(3) *Nếu anh không lỡ tay thì sớm muộn gì em cũng té từ trên cây xuống hoặc bị con trâu điên nhà ông Tư húc phải. Rồi em cũng sẽ nằm bẹp như thế này*. [Nguyễn Nhật Ánh (2013), Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, tr.45]

(4) *Nó đã quỳ ở đấy cả tiếng rồi!* [KN]

Kết hợp sẽ nằm ở ví dụ (3) biểu thị tư thế được thiết lập sau thời điểm nói, trong tương lai. Trong ví dụ (4) kết hợp đã quỳ biểu thị tư thế được thiết lập trong quá khứ.

Thứ hai, vị từ có khả năng kết hợp với phó từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất (*cũng, còn, cứ, lại, vẫn, đều*). Ví dụ:

(5) *Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình*. [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.70]

(6) *Anh ấy vẫn quỳ gối, tay nâng cao chiếc nhẫn, chờ đợi câu trả lời của cô ấy*. [KN]

Quan sát các ví dụ trên, trong kết hợp này, các từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất kết hợp với các từ chỉ tư thế biểu thị sự tiếp diễn của tư thế trong một khoảng thời gian và trong một không gian nhất định.

Thứ ba, vị từ có khả năng kết hợp với phó từ chỉ mệnh lệnh. Thực tế và khảo sát cho thấy, các từ chỉ tư thế kết hợp được với các phó từ chỉ mệnh lệnh, bởi vì đây vốn là đặc trưng kết hợp của động từ. Ví dụ: *Hãy nằm đây! Hãy quỳ xuống!* Các kết hợp này biểu thị một lời đề nghị về vị trí thiết lập tư thế của chủ thể.

Ngoài các sự kết hợp chủ yếu nêu trên, ở phần phụ trước, từ *nằm* và *quỳ* còn kết hợp với nhóm từ chỉ tần số, nhóm phụ từ chỉ sự khẳng định/ phủ định, phó từ chỉ sự tự lực, phó từ chỉ sự phối hợp hay chỉ cách thức.

+ Kết hợp với nhóm phó từ chỉ tần số (*luôn, thường, hay, năng, ít, hiếm*), tạo thành tổ hợp từ như trong các câu sau:

(7) Nó hay **nằm** cạnh cửa sổ. [KN]

(8) Bà ấy thường **quỳ** trước bàn thờ tổ tiên. [KN]

Trong những câu trên, phó từ chỉ tần số *hay, thường* kết hợp với tư thế *nằm, quỳ* để chỉ mức độ thường xuyên thực hiện tư thế của chủ thể tại cùng một vị trí.

+ Kết hợp với nhóm phó từ chỉ sự khẳng định/ phủ định (*có, không, chưa, chẳng...*). Ví dụ:

(9) *Mày mà không nằm bẹp thế này, tao đã đập thêm cho mày mấy gậy rồi!* [Nguyễn Nhật Ánh (2015), Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, tr.25]

(10) Nó không bao giờ **quỳ** gối khuất phục trước ai. [Nguyễn Nhật Ánh (2015), Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, tr.38]

Ngữ liệu khảo sát còn cho thấy VTTT có thể kết hợp cùng lúc với hai hoặc nhiều hơn hai nhóm phó từ:

Chẳng hạn: (11) *Hắn ta sẽ không còn quỳ mãi ở đấy.* [Nguyễn Nhật Ánh (2015), Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, tr.11]

Xét ví dụ (11), sự kết hợp giữa nhiều phó từ ở cả phần phụ trước (*sẽ* - thời gian và *không còn* - phủ định) và phần phụ sau (*mãi* - cách thức).

+ Kết hợp với phó từ chỉ sự tự lực. Chẳng hạn:

(12) *Đến giờ, nó tự nằm lên giường ngủ, không cần ai nhắc nhở* [Nguyễn Nhật Ánh (2015), Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, tr.15]. Phó từ *tự* biểu hiện rõ tư thế, trạng thái do chính chủ thể tạo nên (*nó tự nằm*). Vị từ tư thế mang bản chất [+ chủ ý], vì vậy hoàn toàn có thể kết hợp với phó từ chỉ sự tự lực.

+ Kết hợp với phó từ chỉ sự phối hợp hay phó từ chỉ cách thức ở phần phụ trước. Ví dụ minh họa như sau:

(13) *Nghe tiếng động, nó liền nằm im.* [Nguyễn Nhật Ánh (2013), Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, tr.20] - *liền*: Phó từ cách thức, bổ sung ý nghĩa chỉ tính chất “ngay lập tức” cho tư thế *nằm*.

Trong các nhóm phó từ nói chung, chỉ có nhóm phó từ chỉ mức độ (*rất, hơi, khá*) là không kết hợp được với vị từ tư thế. Từ *nằm* và *quỳ* cũng không ngoại lệ. Các kết hợp: *rất nằm, hơi quỳ, khá nằm, ...* không tồn tại. Có thể lý giải như sau: nhóm từ chỉ mức độ thường kết hợp với các từ chỉ tính chất, trạng thái. Nhóm phó từ này đòi hỏi vị từ phải có sự phân chia thang độ, có sự đánh giá chủ quan của chủ thể. Bản thân các vị từ tư thế không có yếu tố này. Vì vậy, nhóm vị từ tư thế có thể kết hợp với hầu hết các phó từ (*phó từ chỉ thời gian, phó từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất, phó từ mệnh lệnh, phó từ chỉ tần số, phó từ chỉ sự khẳng định/phủ định, phó từ tự lực, phối hợp hay cách thức*) ngoại trừ nhóm phó từ chỉ mức độ.

Khả năng kết hợp của các VTTT với phó từ ở phần phụ trước được cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1. Khả năng kết hợp của vị từ tư thế “*nằm*” và “*quỳ*” với phó từ ở phần phụ trước

Vị từ tư thế			
Nhóm phó từ		<i>nằm</i>	<i>quỳ</i>
Thời gian	<i>đã, đang, sẽ, vừa, mới</i>	+	+
Tiếp diễn đồng nhất	<i>cũng, đều, vẫn, cứ, lại, còn</i>	+	+
Mệnh lệnh	<i>hãy, đừng, chớ</i>	+	+
Tần số	<i>hay</i>	+	+
	<i>thường, ít, luôn</i>	+	+
Khẳng định/ phủ định	<i>có</i>	+	+
	<i>không/chưa/chẳng</i>	+	+
Tự lực	<i>tự</i>	+	+
Phối hợp	<i>cùng</i>	+	+
Cách thức	<i>liền</i>	+	+
Mức độ	<i>rất, hơi, khá</i>	-	-

b. Phần phụ sau

Ở phần phụ sau, khả năng kết hợp của từ *nằm* và *quỳ* khá đa dạng và linh hoạt, có khả năng kết hợp với cả thực từ và hư từ.

(i) *Khả năng kết hợp với danh từ:*

Xét ví dụ sau:

(14) *Nằm nhà./ Nằm viện.* [KN]

(15) *Trời mưa, anh ấy chỉ nằm nhà.* [KN]

Kết hợp *nằm nhà* mang ý nghĩa biểu trưng rõ nét. Trong thời điểm nói, chủ thể *anh ấy* duy trì một tư thế *nằm*. Mặc dù vậy, đây không phải tư thế duy nhất của chủ thể trong suốt quá trình ở nhà khi trời mưa, đây là tư thế đặc trưng của chủ thể. Như vậy, trong một số trường hợp, các kết hợp của VTTT và danh từ phía sau tạo nên những ý nghĩa trừu tượng cho tư thế được hình thành.

Từ *nằm* và *quỳ* thường kết hợp trực tiếp với danh từ hoặc thông qua từ trung gian là các quan hệ từ. Các quan hệ từ này vốn do danh từ chỉ vị trí không gian (*trên, dưới, trong, ngoài, trước, sau*) chuyển loại làm thời thành quan hệ từ. Chẳng hạn như *nằm trong buồng, nằm trên giường bệnh quỳ dưới sàn,...* Khi sử dụng các kết hợp từ, để xác định vị trí, con người luôn lấy chính bản thân làm điểm mốc. Theo sau các kết hợp của vị từ tư thế và giới từ luôn yêu cầu sự xuất hiện của không gian sự vật, để trả lời cho câu hỏi *nằm/quỳ ở đâu?*

Ví dụ:

(16) *Tuần nằm trên chiếc chõng kê vào bóng tối, giữa mặt lên trời.* [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.79]

(17) *Nga quỳ trên tấm thảm, yên lặng, cầu nguyện.* [Nguyễn Nhật Ánh (2015), Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, tr.50]

(18) *Tôi không thích nằm trong, vừa nóng vừa chật, cho tôi nằm ngoài nhé!* [KN]

Tư thế của con người vốn gắn với mặt phẳng, vận động trên mặt phẳng. Trong nhiều trường hợp, các tư thế *nằm, quỳ* cần có một yếu tố xác định vị trí *trong - ngoài*. Xét trường hợp *nằm ngoài* và *nằm trong* trong ví dụ (18), có thể nhận thấy rằng, vị trí *nằm* được xác định bởi yếu tố “vị trí gần tường” hơn cả. *Nằm trong* nghĩa là có vị trí gần tường hơn, ngược lại, *nằm ngoài* chỉ vị trí nằm “xa tường” hơn, căn cứ vào vị trí của người nói.

(ii) *Khả năng kết hợp với động từ:*

Về mặt lí luận, khi hai động từ đi liền nhau, có hai quan niệm khi xác định thành tố trung tâm trong cụm động từ. Quan điểm (1) coi động từ đứng trước là trung tâm và quan điểm (2) coi cả hai động từ là trung tâm. Ví dụ:

(19) *Tưởng tượng không có cái khoan khoai êm ả nào bằng cái thú đắp chăn nằm ngủ mà nghe mưa gió ở ngoài.* [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.240] - theo quan điểm (1): *nằm* - động từ trung tâm, *ngủ* - bổ ngữ chỉ trạng thái.

(20) *Cô ấy nằm nghe nhạc.* [KN] - theo quan điểm (2): *nằm* (động từ tư thế) kết hợp với *nghe* (động từ chỉ hoạt động) => sự song hành của tư thế và hành động của chủ thể trong một không gian và thời gian nhất định.

Vì cùng thuộc nhóm vị từ tư thế, nên hai vị từ *nằm* và *quỳ* cũng có những đặc điểm chung nhất định: làm trung tâm trong cụm động từ, thường có khả năng kết hợp với động từ ở phía sau. Các kết hợp của từ *nằm* với một động từ khác biểu thị sự kết hợp giữa tư thế và hoạt động: *nằm mơ mộng, nằm nhớ lại, nằm ngủ, nằm ngả lưng, nằm chơi, nằm bò ra...* các động từ theo sau thường thể hiện những hành động tiếp nối sau tư thế. Ví dụ:

(21) *Bất cứ lúc nào rảnh là nó lôi sách ra say sưa dán mắt vào những trang chữ. Nằm bò ra trên cỏ hàng giờ để đọc sách đối với nó là một điều vô cùng thú vị.* [Nguyễn Nhật Ánh (2013), Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, tr.23]

(22) *Mặt ửng lên, tôi phải mấp má môi để yên chí là mình không nằm mơ.* [Nguyễn Nhật Ánh (2013), Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, tr.37]

Sự kết hợp của VTTT *nằm* với các tính từ ở phần phụ sau: *ngang, dọc, nghiêng, thẳng, co, duỗi,...* đều là những kết hợp chỉ tư thế nằm ngủ của người: *nằm ngang, nằm dọc, nằm nghiêng, nằm*

thẳng, nằm co, nằm duỗi... Chủ thể là người hoặc con vật thường chủ ý tạo ra các tư thế *nằm* phù hợp với điều kiện và không gian địa lí. Tuy nhiên, có tư thế được tạo ra trong sự chủ ý, có những tư thế được tạo ra trong sự vô thức.

Với chủ thể không phải là người, xét trường hợp sau, chúng ta có thể nhận thấy sự khác biệt:

(23) *Cá nằm trên thớt*. [KN]

(24) *Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã*. [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.69]

Hai chủ thể trong các câu trên đều là con vật. Tuy nhiên, xét theo hai tiêu chí [- động] và [+ chủ ý], từ *nằm* trong câu (24) được coi là vị từ tư thế, còn từ *nằm* trong (23) không được coi là tư thế vì thiếu đi yếu tố [+ chủ ý]. *Con mèo* có chủ ý khi lựa chọn tư thế, còn *cá* thì không thể tự tạo tư thế một cách chủ ý, tư thế của nó do một chủ thể khác tạo nên.

Với vị từ *quỳ*, chủ thể tạo ra tư thế là người. Tư liệu khảo sát của chúng tôi không ghi nhận trường hợp nào chủ thể là con vật. VTTT *quỳ* thường kết hợp trực tiếp với các đại từ nhân xưng, tên riêng ở phần phía trước và hình thành tư thế một cách có chủ đích.

(25) *Cô bé quỳ trên ghế bên cạnh, quay lưng lại màn ảnh, chơi đùa với cái mũi da của mẹ*. [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.174]

Trong câu (25), chủ ngữ là *cô bé*, vị ngữ là sự kết hợp của lần lượt các tư thế *quỳ trên ghế*, ở vị trí *quay lưng lại màn ảnh*, và hành động tiếp nối *chơi đùa với cái mũi da của mẹ*. Xét kết hợp trong ví dụ *cô bé quỳ trên ghế bên cạnh*, từ chỉ tư thế *quỳ* là trung tâm của cụm động từ, còn *trên ghế bên cạnh* là thành phần đóng vai trò làm bổ ngữ chỉ không gian, vị trí cho tư thế.

Căn cứ vào vị trí kết hợp, theo quan sát, các từ chỉ tư thế ở trước và động từ chỉ hành động ở phía sau. Như vậy, trật tự sắp xếp của tư thế và hành động trong câu miêu tả hay phát ngôn cũng được xác định. Nghĩa là, trật tự thiết lập trong câu thường là *tư thế trước và hành động sau*. Ví dụ:

(26) *Nó quỳ trước bàn thờ và cầu nguyện*. (+)

Nó cầu nguyện và quỳ trước bàn thờ. (-)

Có thể lí giải trật tự này như sau: con người là chủ thể quyết định việc hình thành các tư thế, vì vậy, mỗi tư thế của chủ thể được hình thành đều có mục đích. Ví dụ: *ngồi (để) học, đứng (để) nói chuyện, nằm (để) ngủ, quỳ (để) cầu nguyện...* Tư thế được coi như là “bước đệm” để thực hiện các hành động. Chính vì vậy, theo đúng trật tự logic, tư thế của chủ thể được sắp xếp trước, sau đó đến các hành động và mục đích của chủ thể.

Ngoài ra, trật tự về thời gian cũng quy định trật tự sắp xếp các hành động và tư thế. Ví dụ:

(27) *Nó leo lên giường nằm*. (+)

Nó nằm leo lên giường. (-)

Ngoài thực từ, vị từ tư thế *nằm, quỳ* còn có khả năng kết hợp với phó từ:

+ Phó từ chỉ mệnh lệnh (*đi, thôi, nào, ...*): *Nằm đi! Nằm xuống đây nào!...*

+ Phó từ chỉ cách thức (*ngay, liền, luôn, mãi, hoai, ...*): *nằm ngay, quỳ mãi, ...* Ví dụ:

(28) *Mẹ mắng, nó liền nằm ngay xuống giường, nhắm mắt ngủ trưa*. [KN]

(29) *Nó quỳ mãi ở ngoài sân*. [KN]

+ Từ chỉ hướng vận động (*lên, xuống, ...*): *nằm lên, nằm xuống, quỳ xuống, ...*

Như vậy, tương tự với các từ cùng nhóm vị từ tư thế, từ *nằm* và *quỳ* có khả năng kết hợp đa dạng với cả thực từ và hư từ ở phần phụ sau.

2.1.3. Về chức vụ cú pháp

Vốn là những động từ độc lập, có thể được dùng một mình trong một chức năng cú pháp của câu, từ *nằm, quỳ* có khả năng đảm nhiệm vai trò là *vị ngữ trong câu*. Đây cũng là chức vụ cú pháp quan trọng mà từ có thể đảm nhiệm.

Tương tự như vị từ tư thế *đứng, ngồi* thì *nằm, quỳ* có cũng khả năng đảm nhiệm vai trò là vị ngữ trực tiếp trong câu. Chẳng hạn:

(30) Thanh // *nằm yên* già vờ ngủ. [Dương Phong (tuyển chọn) (2012),

C

V

Thạch Lam tuyển tập, tr.70]

Các vị từ tư thế nói chung và từ *nằm*, *quỳ* nói riêng là hạt nhân trong cấu trúc ngữ nghĩa của câu, phản ánh sự việc có đặc điểm nổi bật là miêu tả trạng thái tĩnh tại của người, sự vật trong một không gian cụ thể.

(37) *Tôi nằm bên bàn đèn nói vài câu chuyện tâm phơ*. [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.197]

Trong câu trên, vị từ trung tâm là vị từ tư thế *nằm*. Từ vị từ trung tâm này, có thể đặt các câu hỏi để xác định các tham thể. Câu hỏi *ai nằm?* để xác định tham thể bắt buộc - chủ thể tư thế là (*tôi*), *nằm ở đâu?* để xác định vị trí của tư thế (*bên bàn đèn*), và *nằm để làm gì?* để xác định mục đích tạo lập tư thế (*nói vài câu chuyện*). Như vậy, sự tình này sẽ bao gồm vị từ tư thế, một tham thể bắt buộc (TTBB) và hai tham thể mở rộng (TTMR).

TTBB	Vị từ trung tâm	TTMR1	TTMR2
Thể mang tư thế	VT tư thế	Thể vị trí	Thể hành động - mục đích
<i>Tôi</i>	<i>nằm</i>	<i>bên bàn đèn</i>	<i>nói vài câu chuyện</i>

(38) *Nó quỳ trước bàn thờ*. [KN]

TTBB	Vị từ trung tâm	TTMR
Thể mang tư thế	VT tư thế	Thể vị trí
<i>Nó</i>	<i>quỳ</i>	<i>trước bàn thờ</i>

Trong cấu trúc tham thể này, có vị từ *quỳ* là vị từ tư thế trung tâm. Chủ thể là *Nó* và một tham thể mở rộng chỉ vị trí *trước bàn thờ*. Từ việc phân tích câu theo cấu trúc vị từ tham thể, chúng tôi nhận thấy rằng, cấu trúc nghĩa sự vật của VTTT luôn có VTTT làm trung tâm và một tham thể bắt buộc, có thể có một hay nhiều tham thể mở rộng tùy thuộc vào yêu cầu, sự đòi hỏi của việc truyền đạt thông tin trong giao tiếp.

Như đã biết, sự tình tư thế miêu tả trạng thái tĩnh tại của con người hay động vật trong không gian cụ thể. Do vậy, trong cấu trúc vị từ tham thể (với hạt nhân là những vị từ tư thế) luôn có sự tồn tại của tham thể không gian định vị vị trí tồn tại của sự tình tư thế. Tham thể này xuất hiện với tư cách là tham thể nêu lên hoàn cảnh, không gian diễn ra sự việc mang đặc trưng tư thế. Chẳng hạn:

(39) *Tân nằm trên thảm cỏ, nhìn lên*.

(không gian - vị trí)

[Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.10]

(40) *Nó quỳ ở đó để cầu xin mọi người tha tội*. [KN]

(không gian - vị trí không xác định cụ thể)

Bên cạnh đó, các sự tình tư thế cũng miêu tả trạng thái tĩnh tại của người và vật ở khoảng thời gian cụ thể nào đó. Vì vậy, trong cấu trúc nghĩa của vị từ tư thế có sự tham gia của:

+ Tham thể thời gian. Ví dụ:

(41) *Trong buổi đêm mùa hạ, các hè phố ngổn ngang những người nằm hóng mát*. [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.276]

(42) *Nó quỳ trước sân đến tận chiều tối*. [KN]

+ Tham thể mục đích/ cách thức trong cấu trúc nghĩa. Chẳng hạn:

(43) *Tôi nằm sấp trên giường cho ba đét roi vào mông*. [Nguyễn Nhật Ánh (2015), Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, tr.57]

Cấu trúc nghĩa của câu trên được phân tích cụ thể như sau:

TTBB	Vị từ trung tâm	TTMR	TTMR	TTMR
Thể mang tư thế	Thể tư thế	Thể cách thức	Thể không gian	Thể mục đích
<i>Tôi</i>	<i>nằm</i>	<i>sấp</i>	<i>trên giường</i>	<i>cho ba tôi đét vào mông</i>

2.2.2. Vị từ tư thế với tư cách tham thể

Bên cạnh vai trò chủ đạo như đã nêu ở trên, vị từ tư thế *nằm* và *quỳ* còn có thể đóng vai trò là tham thể trong cấu trúc nghĩa. Trong cấu trúc nghĩa vị từ - tham thể, từ *nằm* có thể đảm nhiệm vai trò là tham thể mở rộng.

(44) *Chị Lan kéo tôi nằm xuống cùng nói chuyện.* [Dương Phong (tuyển chọn) (2012), Thạch Lam tuyển tập, tr.121]

TTBB	Vị từ trung tâm	TTBB	TTMR	TTMR
Thể hành động	VT hành động	Thể đối tượng	Thể cách thức	Thể mục đích
<i>Chị Lan</i>	<i>kéo</i>	<i>tôi</i>	<i>nằm xuống</i>	<i>cùng nói chuyện</i>

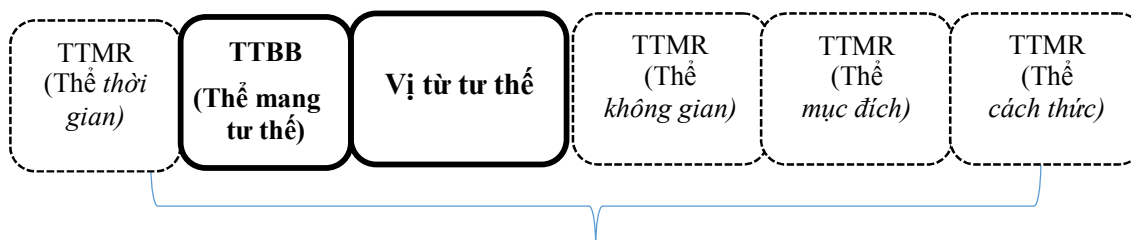
Trong câu trên, trung tâm của cấu trúc là vị từ hành động *kéo*. Hai tham thể bắt buộc là tham thể chủ thể hành động (*Chị Lan*) và đối tượng (*tôi*). Hai tham thể mở rộng chỉ cách thức (*nằm xuống*) và tham thể chỉ mục đích (*cùng nói chuyện*). Tương tự, trong ví dụ sau:

(45) *Tuần định quỳ xuống để xin lỗi mọi người trong gia đình.* [KN]

TTBB	Vị từ trung tâm	TTMR	TTMR
Thể hành động	VT hành động	Thể cách thức	Thể mục đích
<i>Tuần</i>	<i>định</i>	<i>quỳ xuống</i>	<i>để xin lỗi mọi người trong gia đình</i>

Như vậy, từ *nằm*, *quỳ* chủ yếu đảm nhận vai trò là tham thể mở rộng với vai nghĩa chỉ tư thế, chỉ trạng thái, cách thức.

Tựu trung lại, cấu trúc nghĩa cơ bản của sự tình tư thế được khái quát bằng sơ đồ sau:



Hình 1. Mô hình cấu trúc nghĩa của sự tình tư thế

2.3. Bình diện ngữ dụng của vị từ tư thế “*nằm*” và “*quỳ*”

Ở bình diện ngữ dụng, bài viết nghiên cứu vị từ *nằm* và *quỳ* ở các phương diện sau:

2.3.1. Tiền giả định của các câu chứa từ “*nằm*” và “*quỳ*”

Trong ngôn ngữ học, tiền giả định (presupposition) là “... một thuật ngữ có tính chất công nghệ, được dùng để chỉ nội dung không cần được nêu ra mà vẫn phải là một phần được tính đến của điều được thông báo, vì không xác định được nó thì thông báo sẽ trở nên vô nghĩa với người nghe”. Hiểu đơn giản hơn, “một tiền giả định là cái mà người nói cho là đúng trước khi thực hiện một phát ngôn”. [Diệp Quang Ban, 2012, tr.21]. Tiền giả định có thuộc tính bất biến.

Thông thường, tiền giả định có nét tương đồng với nghĩa mà từ biểu thị. Ví dụ trong câu *Anh ấy đã bỏ thuốc lá*, tiền giả định là *Anh ấy đã từng hút thuốc lá*. Hay trong câu: *Nó bắt đầu học ngoại ngữ* thì tiền giả định là trước đó nó chưa học ngoại ngữ.

Trong quá trình khảo sát, khi xem xét đến yếu tố tiền giả định của câu chứa từ chỉ tư thế nói chung và từ *nằm*, *quỳ* nói riêng, tác giả nhận thấy có sự khác biệt.

Ví dụ: (46) *Nó ngả lưng nằm xuống cạnh tôi, nói tiếp...* [Nguyễn Nhật Ánh (2013), Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, tr.67]

Xem xét câu trên, các tiền giả định có thể được suy ra như sau: (i) trước đó *Nó* (chủ thể) đang đứng hoặc ngồi, (ii) *Nó* quyết định thay đổi tư thế, (iii) Trước đó *nó* đang nói,... Như vậy, nghĩa biểu hiện của từ *nằm* hoàn toàn không nằm trong tiền giả định của từ.

Tương tự, nghĩa biểu hiện của từ *quỳ* cũng không nằm trong tiền giả định của từ. Chẳng hạn: (47) *Tiếng quát to vang lên, nó vội vàng quỳ xuống xin lỗi.* [Nguyễn Nhật Ánh (2013), Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, tr.89].

Có thể đưa ra một số tiền giả định như sau: (i) ai đó đã tức giận và quát to (ii) khi đó *nó* đang đứng hoặc ngồi (iii) tiếng quát làm *nó* sợ (iv) hành động *quỳ xuống* của rất nhanh... Như vậy, tiền giả định của một từ chỉ tư thế khác với tư thế được vị từ hạt nhân biểu thị.

2.3.2. Tri nhận của con người về tư thế “*nằm*” và “*quỳ*”

Tư thế biểu hiện tính cách con người. Người Việt cũng có những tri nhận riêng về tư thế *nằm* và *quỳ*. Điều đó biểu hiện rõ nét nhất thông qua những câu ca dao, tục ngữ, qua lời ăn tiếng nói hàng ngày.

Không ít người có quan niệm rằng *nằm là lười biếng*. Ở tư thế *nằm*, con người thường trong trạng thái nghỉ ngơi. Tuy nhiên, tư thế *nằm* của một người được thực hiện nhiều lần và trong một thời gian dài, người ta đặt ra câu hỏi “Phải chăng chủ thể của tư thế không muốn làm việc, không muốn vận động?” Cụm từ *nằm cả ngày*, *nằm dài* diễn tả một tư thế biểu lộ sự lười biếng. Ca dao có câu: “*Giàu đâu những kẻ ngủ trưa./ Sang đâu những kẻ say sưa tới ngày.*” hay như bài ca dao sau:

(48) “Cái cò lặn lội bờ ao
Hỡi cô yếm đào lấy chú tôi chăng?
Chú tôi hay tầu hay tắm
Hay nước chè đặc hay *nằm* ngủ trưa
Ngày thì ước những ngày mưa
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh.”

(Ca dao)

Bài ca dao châm biếm nhẹ nhàng, dí dỏm hình ảnh người *chú*. Bên cạnh những việc làm như *hay tầu, hay nước chè đặc*, hình ảnh người *chú* được khắc họa thêm chi tiết *hay nằm ngủ trưa*. Ngủ ngày, *nằm* nhiều vốn trở thành một trong những yếu tố biểu lộ sự đánh giá khách quan với tính cách mỗi người. Nhân dân ta quen với hình ảnh người nông dân chân lấm tay bùn, lao động vất vả từ sáng đến tối, do đó, những hình ảnh, tư thế *nằm* ngủ an nhàn, không lao động luôn gợi suy nghĩ về một người lười biếng.

Bên cạnh đó, trong kho tàng ca dao, theo nghiên cứu và quan sát, việc miêu tả tư thế con người còn bộ lộ tâm trạng, suy nghĩ của con người tương ứng với những tư thế được thiết lập. Ví dụ: (49) “*Đêm nằm lưng chẳng tới giường/ Chờ cho mau sáng ra đường gặp em.*” (Ca dao).

Cụm từ *nằm chẳng tới giường* biểu lộ một tư thế đặc biệt của chủ thể. Chủ thể tồn tại trong trạng thái nghỉ ngơi. Thông thường, tư thế *nằm* luôn có sự tiếp giáp của lưng và mặt phẳng giường. Tuy nhiên, từ phủ định *chẳng* phủ nhận một tư thế ổn định của chủ thể. Tư thế này luôn có sự vận động thay đổi vì một lí do *Chờ cho mau sáng đường gặp em*. Như vậy, thông qua tư thế này, người đọc còn cảm nhận được tâm trạng bồn chồn, sự ngóng trông, chờ đợi, mong muốn được gặp *em* của chủ thể trữ tình.

Trong công việc, dân gian ta cũng sử dụng các từ chỉ tư thế để nói về tính chất của sự lao động hay tính chất của nghề nghiệp: “*Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng*” hay câu: “*Làm ruộng ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng*”. Hai câu tục ngữ này nói lên sự vất vả của nghề nuôi tằm, trái ngược lại với sự nhàn hạ của việc nuôi lợn hay làm ruộng. Trong câu tục ngữ, hai tư thế *nằm* và *đứng* được đặt trong trạng thái đối nghịch nhau. Như vậy, trong suy nghĩ của người Việt, tư thế *đứng* biểu trưng cho sự lao động, cho quá trình làm việc. Ngược lại, *nằm* biểu trưng cho quá trình nghỉ ngơi.

Về tư thế *quỳ*, trong văn hóa phương Đông, tư thế này cũng mang những đặc trưng văn hóa riêng biệt. *Quỳ* gói mang ý nghĩa chỉ sự khuất phục hay đề cầu nguyện, van xin một ân huệ nào đó: (50) *Cúi đầu quỳ trước sân hoa./ Thân cung nàng mới dâng qua một tờ./ Diện tiền trình với Tiểu thư./ Thoạt xem đường có ngăn ngơ chút tình.* [Nguyễn Du, 1965, Truyện Kiều].

Tuy nhiên, quỳ gối cũng là một hành động thể hiện sự tôn kính, trân trọng (như trong văn hóa Nhật Bản, Hàn Quốc). Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta vẫn thường thấy hình ảnh người mẹ quỳ gối đưa nôi nâng niu giấc ngủ cho con, người lính quỳ gối nâng đỡ đồng đội khi bị thương, những nhà vô địch quỳ gối rung rung nước mắt hạnh phúc trước lá cờ Tổ quốc,... như vậy, quỳ gối còn thể hiện tấm lòng nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của con người.

Tựu trung lại, tư thế hay các từ chỉ tư thế nói chung và từ *nằm*, *quỳ* trong tiếng Việt không chỉ mang một nét nghĩa đơn thuần chỉ trạng thái tĩnh tại của con người mà còn thể hiện được sự vận động trong quá trình sử dụng. Từ đó, nhóm từ chỉ tư thế được ứng dụng nhiều hơn, trở nên phổ biến hơn.

3. Kết luận

Thông qua việc khảo sát và nghiên cứu hai vị từ tư thế *nằm* và *quỳ* trong tiếng Việt, bài viết đưa ra một cái nhìn khái quát và toàn diện hơn về hai vị từ này trên ba bình diện kết học, nghĩa học và dụng học. Ở bình diện kết học, từ *nằm*, *quỳ* có vai trò chủ yếu là động từ. Ở phần phụ trước, hai vị từ tư thế này có thể kết hợp với phó từ chỉ thời gian, mệnh lệnh, phó từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất, phó từ chỉ tần số, chỉ sự khẳng định/ phủ định, phó từ chỉ cách thức, không kết hợp với phó từ chỉ mức độ. Ở phần phụ sau, từ *nằm*, *quỳ* có thể kết hợp với danh từ, động từ, tính từ và phó từ (mệnh lệnh, cách thức, từ vận động chỉ hướng). Sự kết hợp của từ ngữ này với các thực từ và các phụ từ khá đa dạng, linh hoạt. Ở bình diện nghĩa học, khi là động từ, từ *nằm*, *quỳ* tham gia vào cấu trúc vị từ tham thể và chủ yếu đảm nhiệm vai trò là vị từ trung tâm. Trong đó, sự tình mà hai từ này biểu hiện là sự tình tư thế (mang tính tĩnh, có chủ ý). Bên cạnh đó, trong cấu trúc này, hai từ còn đảm nhiệm vai trò là tham thể mở rộng với vai nghĩa chỉ tư thế, chỉ trạng thái, cách thức. Ở bình diện dụng học, khi xem xét tiền giả định của các câu chứa từ chỉ tư thế *nằm* và *quỳ*, tiền giả định của tư thế khác với tư thế mà vị từ hạt nhân biểu thị. Bên cạnh đó, thông qua tư thế *nằm*, *quỳ* cũng thể hiện sự tri nhận của người Việt về tính cách con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2012), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục, H.
4. Hoàng Phê (chủ biên) (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
5. Trần Kim Phụng (2012), *Các phương pháp phân tích câu (trên ngữ liệu tiếng Việt)*, Nxb KHXH.
6. Trần Kim Phụng (2011), *Từ thôi trong tiếng Việt trên ba bình diện: nghĩa học, kết học và dụng học*, Tạp chí ngôn ngữ số 5, tr.50-58.
7. Nguyễn Thị Quy (1995), *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, Nxb KHXH.

TƯ LIỆU KHẢO SÁT

1. Nguyễn Nhật Ánh (2013), *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* (truyện ngắn), Nxb Trẻ.
2. Nguyễn Nhật Ánh (2015), *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* (truyện dài), Nxb Trẻ.
3. Nguyễn Du (1965), *Truyện Kiều*, Nxb Văn học.
4. Dương Phong (tuyển chọn) (2012), *Thạch Lam tuyển tập*, Nxb Văn học.

The positional words “lie” and “kneel” in Vietnamese language from three aspects: syntactics, semantics, and pragmatics

Abstract: This article focuses on the study of the two positional words “lie” and “kneel” within the framework of the group of words indicating posture. The research covers three aspects: syntactics, semantics, and pragmatics. The results of the study aim to provide a comprehensive and overarching understanding of these two specific words and the group of words indicating posture in general.

Key words: the word “lie”; “kneel”; indicating posture; positional words in Vietnamese; syntactics; semantics; pragmatics.